

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 15/TRIBECO BINH DUONG/2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Tribeco Bình Dương

Địa chỉ: Số 8, đường số 11, KCN Việt Nam- Singapore, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 0274.3768780

Fax: 0274.3767849

E- mail: hcns.bd@tribeco.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 3702023469

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm FSSC 22000 Version 5.1 số 38162112001. Ngày cấp/Nơi cấp: Công ty TNHH Intertek Việt Nam, số 38 đường Huỳnh Lan Khanh, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.



II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **TRÀ XANH VỊ CHANH**
2. Thành phần: Nước, đường HFCS, trà xanh (4 g/l), chất điều chỉnh độ acid (330, 331(iii), 500(ii)), chất chống oxy hóa (316, 300), hương chanh tổng hợp, chất tạo ngọt tổng hợp (950, 955), màu tự nhiên (150d).
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
 - Quy cách đóng gói: Thê tích thực 350ml, 450ml, 500ml hay theo nhu cầu của thị trường.
 - Chất liệu bao bì: Chai PET nhựa. Bao bì đạt chất lượng trong thực phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- B: CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 8, đường số 11, KCN Việt Nam- Singapore, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

- H: CÔNG TY TNHH TRIBECO MIỀN BẮC

Địa chỉ: Đường D2, KCN Yên Mỹ II, thị trấn Yên Mỹ và xã Trung Hưng, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Mã hóa và địa chỉ nơi sản xuất: xem bên cạnh ngày sản xuất.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia: Sản xuất phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật QCVN 6-2:2010/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm đồ uống không cồn.
- Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm FSSC 22000 Version 5.1 số 38162112001.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Bình Dương, ngày 25 tháng 04 năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



WU JUNG TE

CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG

Số: 10/2023-RD TBC

V/v: Thông báo bổ sung danh mục chỉ tiêu kỹ thuật

Sản phẩm Trà Xanh Vị Chanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 07 tháng 07 năm 2023

Kính gửi: CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH BÌNH DƯƠNG

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 8, đường số 11, KCN Việt Nam – Singapore, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 0274.3768780

Fax: 0274.3767849

Mã số doanh nghiệp: 3702023469

Số hồ sơ công bố: 15/TRIBECO BINH DUONG/2022

Sản phẩm: TRÀ XANH VỊ CHANH

Hiện tại, chúng tôi muốn bổ sung thêm **danh mục chỉ tiêu kỹ thuật** cho Sản phẩm Trà Xanh Vị Chanh với số tự công bố là 15/TRIBECO BINH DUONG/2022 và tự công bố ngày 25/04/2022, được xác nhận thông tin bởi Chi Cục An Toàn Vệ Sinh Thực Phẩm Tỉnh Bình Dương.(Đính kèm bên dưới).

Danh mục chỉ tiêu kỹ thuật

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Năng lượng	kcal/100ml	≤ 42
2	Chất đạm	g/100ml	< 0.1
3	Chất béo	g/100ml	< 0.1
4	Chất béo bão hòa	g/100ml	< 0.1
5	Carbohydrate	g/100ml	≥ 6.8
6	Đường tổng	g/100ml	≤ 9.5
7	Natri	mg/100ml	≤ 22



Chúng tôi chỉ bổ sung thêm ***danh mục chỉ tiêu kỹ thuật*** mà không thay đổi nội dung về thành phần, giá trị dinh dưỡng, cách sử dụng và bảo quản phù hợp theo Nghị Định số 15/2018/NĐ-CP.

Chân thành cảm ơn Quý cơ quan hỗ trợ tiếp nhận và lưu trữ thông tin sản phẩm, tạo điều kiện cho Công ty sản xuất kinh doanh phục vụ người tiêu dùng.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: phòng R&D



TỔNG GIÁM ĐỐC

WU JUNG TE



237mm
230mm



H-03813

170mm

164mm



Phú Ân
CÔNG TY TNHH PHÚ ÂN

Pack Size: 237 x 170 mm

Quy cách:

Designers: VV

From Vietnam:

File code Pa: TRIBE00003(RED)

File code:

Color:

Size:

7

Printer: HH

Size:

Black

White

Green

Red

Cyan

Magenta

Yellow

White

TRANG

TRANG

TRANG

TRANG

TRANG

TRANG

TRANG

TRANG

TRANG

TRANG

TRANG

TRANG

TRANG

TRANG

TRANG

TRANG

File Name: Trà xanh 100 500ml Tribeco

Tên tập tin:

Artwork No.:

Artwork:

Date: 02-04-2022

Ngày làm:

Material:

Chất liệu:

PVC

CONFIRM

XÁC NHẬN

☐ **LAYOUT**

☐ **Bố cục**

☐ **PICTURE**

☐ **Hình ảnh**

☐ **CONTENTS**

☐ **Nội dung**

☐ **BARCODE**

☐ **Mã vạch**

☐ **COLORS**

☐ **Màu sắc**

☐ **EYEMARK**

☐ **Dấu hiệu**

☐ **PACK SIZE**

☐ **Kích thước sản phẩm**

SIGNATURE APPROVED

CHỮ KÝ XÁC NHẬN

Trần Hoàng 21/04/2022

Đo Thị Huệ

TBSD TRUC BLACK THEO PA03-2010SE199

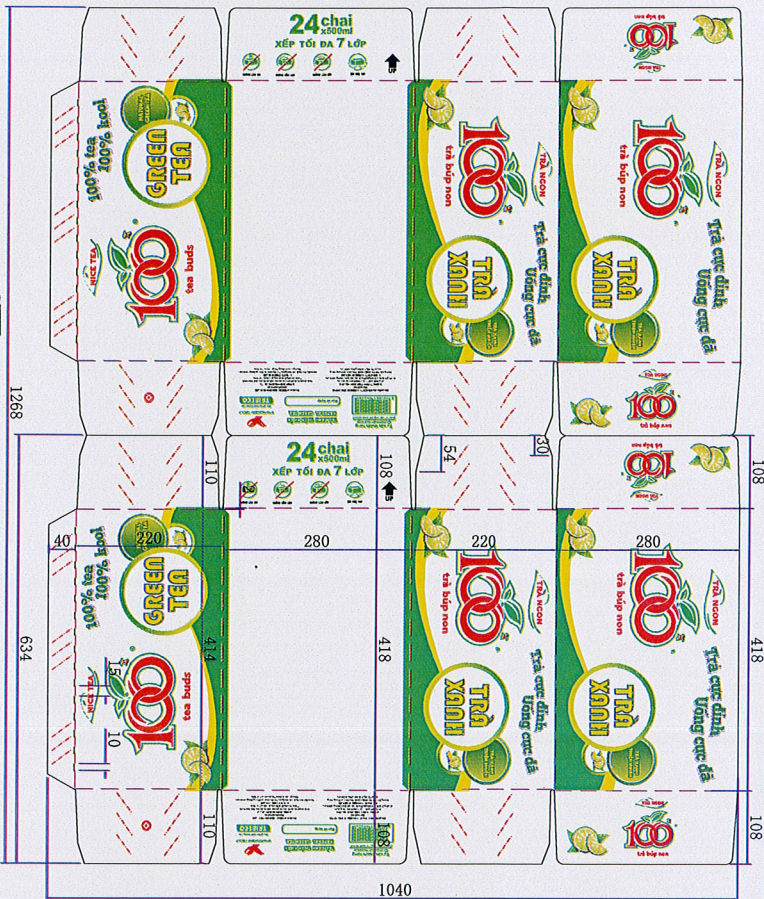
vị trí sua



永豐餘紙業(隆安)有限公司印刷設計圖稿
YUEN FOONG YU PAPER ENTERPRISE (LONG AN) CO., LTD. BẢN VẼ THIẾT KẾ IN ẤN

2022.04.06 L1 PHENG

Khách hàng	TRIBECO	墨色 Mực màu						尺寸 Size	634X1040mm	对稿 So mẫu	
品名 Tên sản phẩm	THUNG TRÀ XANH 500ML 2022	1	2	3	4	5	6	版号 Mã số bản		设计 Design	Lâm Văn Minh Phụng
日期 Ngày nhận đơn	2022.02.24	R0303	G6120	Y1202	D0378			模号 Mã số khuôn	G2-0206	目录 Catalogue	F:/TRIBECO/02.24



24chai
x500ml

XẾP TỐI ĐA 7 LỚP



KHÔNG LÀM RƠI



KHÔNG DẪM LÊN



KHÔNG LÀM UỐT



XIN NHỆ TAY



Tư vấn khách hàng
Customer service
yuenkhaichang@tribeco.com.vn

TRÀ XANH THIÊN NHIÊN
NATURAL GREEN TEA

UNI-PRESIDENT GROUP
Sản phẩm chất lượng của
TRIBECO

Sản phẩm của CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG

Sản xuất tại:

B: CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG
55/8, đường số 11, KCN Việt Nam - Singapore,
phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
H: CÔNG TY TNHH TRIBECO MIỀN BẮC
Đường D2, KCN Yên Mỹ II, thị trấn Yên Mỹ và xã Trưng Hưng,
huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Product of TRIBECO BÌNH DƯƠNG CO., LTD

Manufactured at:

No.8, street 11, Viet Nam - Singapore industrial park, Binh Hoa ward,
Thuan An city, Binh Duong province, Viet Nam.
H: NORTH TRIBECO CO., LTD
Street D2, Yen My II industrial park, Yen My town and Trưng Hưng commune,
Yen My district, Hung Yen province, Viet Nam.

样箱对稿
Thùng mẫu So mẫu

附稿对稿
Phụ mẫu So mẫu

Y-QP010-08A

KT3-05387BTP3/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/09/2023
Page 01/03

- Tên mẫu
Name of sample : **TRÀ XANH VỊ CHANH**
- Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and label.
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 12/09/2023
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 12/09/2023 - 20/09/2023
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG**
Số 8, Đường Số 11, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / *See page 02-03/03*

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet*

KT3-05387BTP3/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

20/09/2023
Page 02/03

7. Kết quả thử nghiệm Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Phạm vi đo/ Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Năng lượng/ Calories •kcal/100 mL	QTTN/ KT3 024 : 2018		-	35
7.2. Hàm lượng protein, Protein content g/100 mL	QTTN/KT3 140 : 2016 Kjeldahl method		0,1	Không phát hiện Not detected
7.3. Hàm lượng béo, Fat content g/100 mL	QTTN/KT3 139:2016 (Có thủy phân)		0,1	Không phát hiện Not detected
7.4. Hàm lượng béo bão hòa, Saturated fat content g/100 mL	AOAC 2019 (996.06)		$9,0 \times 10^{-4}$	Không phát hiện Not detected
7.5. Hàm lượng carbohydrate, Carbohydrate content g/100 mL	QTTN/KT3 317:2022		-	8,74
7.6. Hàm lượng đường tổng theo sacaroza, g/100 mL Total sugar content as sucrose	QTTN/KT3 178 : 2017 (Ref: TCVN 4594 : 1988)		-	7,77
7.7. Hàm lượng natri, Sodium content mg/100 mL	QTTN/KT3 293:2021 (Ref: AOAC 969.23)		-	18,6
7.8. Hàm lượng chì, Lead content mg/L	QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC (999.11))	$1,80 \times 10^{-2}$		Không phát hiện Not detected

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet

KT3-05387BTP3/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

20/09/2023
Page 03/03

7. Kết quả thử nghiệm Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement ($\geq$)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.9. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, CFU/mL Total aerobic plate count	ISO 4833-1:2013, AMD 1:2022	-		Nhỏ hơn 1 ⁽¹⁾ Less than
7.10. E. Coli, CFU/mL	ISO16649 – 2 : 2001	-		Nhỏ hơn 1 ⁽¹⁾ Less than
7.11. Coliform, CFU/mL	ISO 4832 : 2006	-		Nhỏ hơn 1 ⁽¹⁾ Less than
7.12. Clostridium perfringens, CFU/mL	ISO 7937 : 2004	-		Nhỏ hơn 1 ⁽¹⁾ Less than
7.13. Enterococci, CFU/mL Streptococci faecal	ISO 7899-2:2000	-		Nhỏ hơn 1 ⁽¹⁾ Less than
7.14. Tổng số nấm men & nấm mốc, CFU/mL Total yeasts & moulds	ISO 21527-1:2008	-		Nhỏ hơn 1 ⁽¹⁾ Less than
7.15. Pseudomonas aeruginosa, CFU/mL	ISO 16266 : 2006	-		Nhỏ hơn 1 ⁽¹⁾ Less than
7.16. Staphylococcus aureus, CFU/mL	AOAC 2023 (975.55)	-		Nhỏ hơn 1 ⁽¹⁾ Less than

Ghi chú/ Note: (1): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 CFU/mL khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.

According to the test method, the result is expressed as less than 1 CFU/mL when the dish contains no colony.

Hàm lượng protein/ Protein = 6,25 x Hàm lượng nitơ tổng/ Nitrogen



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.